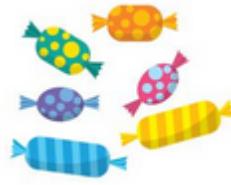




tiramisu
tí lā mǐ sū



marshmallow
miánhuā táng



candy
táng guǒ



lollipop
bàng táng



water chestnut cake
mǎtí gāo



sesame paste
zhīma hú



donut
yóu bǐng



popsicle
bīng gùn



sundae
shèng dài



toffee
tài fēi táng



gummy candies
xiàngpí táng



pudding
bù dīng



gingerbread
jiāng bǐng



ice cream
xuě gāo



cookies
yán pí bǐng



slushie
bīng shā

棒棒糖

棒棒糖

LittleNex.com

糖果

糖果

LittleNex.com

棉花糖

棉花糖

LittleNex.com

提拉米苏

提拉米苏

LittleNex.com

冰棍

冰棍

LittleNex.com

油饼

油饼

LittleNex.com

芝麻糊

芝麻糊

LittleNex.com

马蹄糕

马蹄糕

LittleNex.com

布丁

布丁

LittleNex.com

橡皮糖

橡皮糖

LittleNex.com

太妃糖

太妃糖

LittleNex.com

圣代

圣代

LittleNex.com

冰沙

冰沙

LittleNex.com

岩皮饼

岩皮饼

LittleNex.com

雪糕

雪糕

LittleNex.com

姜饼

姜饼

LittleNex.com